TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-01-2020
V/v Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 838/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị M ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S , xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ hiện nay: Thôn 2 ,xã P , huyện T , thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T ; địa chỉ: Thôn S , xã P , huyện T , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đinh Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị M và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P , huyện T , thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 06 tháng 02 năm 2006). Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến gia đình. Do mâu thuẫn chị M và anh T đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Phạm Văn T .

- Về con chung: Chị Đinh Thị M và anh Phạm Văn T có hai con chung là Phạm Tuyết A , sinh ngày 23 tháng 01 năm 2012 và Phạm Tiến V , sinh ngày 22 tháng 10 năm 2006. Khi ly hôn, chị Mạ đề nghị được trực tiếp nuôi con Phạm Tuyết A ; anh T trực tiếp nuôi con Phạm Tiến V . Về cấp dưỡng nuôi con chị M đề nghị để chị và anh T tự thỏa thỏa thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị M trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để trình bầy quan điểm về việc chị M có đơn xin ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về dân sự. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyền vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời khai của chị M tại Tòa án phù hợp với bản sao giấy đăng ký kết hôn mà chị M đã giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P . Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị M và anh T có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị M và anh T có hai con chung là Phạm Tuyết A và Phạm Tiến V , chị M và anh T đều có đủ điều kiện nuôi con. Anh Phạm Văn T

hiện nay đang sinh sống tại xã P , đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án trình bầy quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn T cư trú tại xã P , huyện T , thành phố Hải Phòng; anh T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên có thẩm quyền xét xử vụ án này. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 06 tháng 02 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã P , huyện T , thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đinh Thị M được ly hôn anh Phạm Văn T .

[3]. Về con chung: Chị M và anh T có hai con chung là Phạm Tuyết A , sinh ngày 23 tháng 01 năm 2012 và Phạm Tiến V , sinh ngày 22 tháng 10 năm 2006. Khi ly hôn, chị M đề nghị được tiếp tục nuôi con Phạm Tuyết A ; anh T trực tiếp nuôi con Phạm Tiến V . Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, chị M đang trực tiếp nuôi con chung Phạm Tuyết A , anh T đang trực tiếp nuôi con chung Phạm Tiến V . Vì vậy, tiếp tục giao cho chị M trực tiếp nuôi con chung Phạm Tuyết A ; anh T trực tiếp nuôi con chung là Phạm Tiến V là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M trình bầy để chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung: Chị M trình bầy vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác chưa có lời khai của anh T về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đinh Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị M được ly hôn anh Phạm Văn T .

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Tuyết A , sinh ngày 23 tháng 01 năm 2012; cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Tiến V , sinh ngày 22 tháng 10 năm 2006; cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003116 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Đinh Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã P, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Giấy CNKH số 10 ngày 6/ 2/2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý